TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2018/KDTM-PT
Ngày: 12/01/2018
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thu Chinh**

2. Ông **Lê Công Toại**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Châu Hiệp Phát**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 12 năm 2017 và ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 78/2017/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1276/2017/KDTM-ST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2615/2017/QĐXX-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6545/2017/QĐ-HPT ngày 28/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH thương mại ĐPH.**

Địa chỉ: 32C HG, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh X

Địa chỉ: 202 Trần Phú, phường CK, Quận NK, Thành phố CT (Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 5 năm 2015)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hoàng N – Luật sư – Công ty luật TNHH MTV Lê Hoàng

Địa chỉ: 202 Trần Phú, phường CK, Quận NK, Thành phố CT.

2. Bị đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần PD.**

Địa chỉ: 41-45 LD, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Đình Th (Theo giấy ủy quyền số 73/2017/UQ-NGÂN HÀNG PD ngày 08 tháng 5 năm 2017) và ông Hà Thế L (Theo giấy ủy quyền số 02/2018/UQ-NGÂN HÀNG PD ngày 09/01/2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Liên Ngân A**, sinh 1938

Địa chỉ: 336/20 NVL Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Liên Khiết H (vắng mặt).

Địa chỉ: 176/26 MP, phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2015, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 30 tháng 7 năm 2015 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH thương mại ĐPH (Sau đây viết tắt là Công ty ĐPH) và Ngân hàng TMCP PD (Sau đây viết tắt NGÂN HÀNG PD) có ký kết hợp đồng tín dụng số 00302/2011/HĐTD-DN ngày 28/10/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0314/2013/HĐTD-DN ngày 29/8/2013. Theo bảng tính lãi của Ngân hàng thì tổng số nợ theo hợp đồng mà Công ty ĐPH phải trả tính đến ngày 10/12/2014 là:

Nợ gốc: 23.854.203.735 đồng.

Lãi trong hạn: 948.928.046 đồng.

Lãi quá hạn: 2.810.522.497 đồng.

Lãi phạt chậm trả lãi: 1.405.261.251 đồng.

Trước đó, ngày 09/9/2014, bà Liên Ngân A (người đứng tên tài sản đảm bảo) đã đồng ý bán tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Hiện các hợp đồng tín dụng đã được tất toán. Tuy nhiên, trên thực tế thực hiện hợp đồng tín dụng và kiểm tra lại bảng tính lãi của NGÂN HÀNG PD tính đến ngày 10/12/2014 nêu trên, công ty ĐPH nhận thấy NGÂN HÀNG PD tính toán và thu khoản lãi phạt chậm trả với số tiền là 1.405.261.251 đồng là không phù hợp các điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định về lãi suất chậm trả lãi. Tại các Điều 300, Điều 301, Điều 306 và Điều 307 Luật thương mại năm 2005 cũng không có khái niệm "lãi phạt chậm trả lãi". Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước về việc ban

hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng cũng không áp dụng lãi phạt chậm trả lãi. Trong 42 khế ước nhận nợ được liệt kê tại Bảng tính lãi của NGÂN HÀNG PD tính đến ngày 10/12/2014 thì chỉ có khế ước nhận nợ số LD1324600113 thuộc Hợp đồng tín dụng số 0314/2013/HĐTD-DN ngày 29/7/2013 là có đề cập đến vấn đề lãi phạt có sự thỏa thuận các bên là 94.408.398 đồng. 41 khế ước còn lại thuộc Hợp đồng tín dụng số 0032/2011/HĐTD-DN ngày 28/10/2011 thì không có đề cập đến lãi phạt cũng như các thỏa thuận khác. Do vậy, Công ty ĐPH không chấp nhận đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi không được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, cụ thể 1.405.261.251 đồng – 94.408.398 đồng = 1.310.852.853 đồng.

Công ty ĐPH đã nhiều lần yêu cầu NGÂN HÀNG PD trả lại số tiền thu bất hợp lý nêu trên như NGÂN HÀNG PD không chấp nhận nên Công ty khởi kiện yêu cầu NGÂN HÀNG PD trả lại số tiền đã thu là 1.310.852.853 đồng và tiền lãi đến ngày 10/7/2017 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định (29 tháng với mức lãi suất cơ bản là 9%/năm) tổng cộng là 305.619.393 đồng.

Ngày 30/7/2015, Công ty ĐPH bổ sung thêm yêu cầu NGÂN HÀNG PD trả số tiền lãi trong hạn, quá hạn đã thu do áp dụng lãi suất không đúng quy định pháp luật là 95.908.229 đồng.

Bị đơn- NGÂN HÀNG PD có người đại diện theo ủy quyền trình bày: NGÂN HÀNG PD xác nhận có ký các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đúng như phía nguyên đơn trình bày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty ĐPH đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 00302/2011/HĐTD-DN ngày 28/10/2011 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 00302.02/PL-HĐTD ngày 05/03/2013.

Ngày 10 /12/2014, Công ty ĐPH đã tất toán toàn bộ nợ vay tại NGÂN HÀNG PD, chi tiết như sau: Tổng nợ gốc: 23.854. 203.735 đồng. Tổng nợ lãi: 5.164.711.794 đồng. Tổng cộng; 28.924.185.501 đồng.

NGÂN HÀNG PD xác định tính toán và thu lãi đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký giữa NGÂN HÀNG PD và Công ty ĐPH. Việc thỏa thuận lãi tại Hợp đồng tín dụng số 00302/2011/HĐTD-DN ngày 28/10/2011 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 00302.02/PL-HĐTD ngày 05/03/2013 là phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành. Do vậy, NGÂN HÀNG PD không đồng ý các yêu cầu của Công ty ĐPH. NGÂN HÀNG PD chỉ thừa nhận là có sai sót trong phần diễn giải trên bảng tính lãi do ông Bùi Duy Tường ký cụ thể: NGÂN HÀNG PD tính chung tiền lãi phạt lãi chậm trả, phạt quá hạn gốc thành một hạn mục. Sau khi rà soát, tính toán lại số liệu thì NGÂN HÀNG PD đã cung cấp lại bảng tính lãi chi tiết nộp đến tòa và đã gửi đến nguyên đơn. NGÂN HÀNG PD xác nhận số tiền lãi tính trên lãi chậm trả chỉ có 178.513.029 đồng.

NGÂN HÀNG PD xác định đã áp dụng mức lãi suất đúng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà đôi bên đã ký và quy định pháp luật nên không đồng ý yêu cầu của Nguyên đơn đòi NGÂN HÀNG PD phải trả lại số tiền lãi chênh lệch do áp dụng mức lãi suất sai quy định là 95.908.229 đồng

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – có bà Liên Khiết H đại diện trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Ngân hàng NGÂN HÀNG PD hoàn trả lại tiền cho Công ty ĐPH.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân theo pháp luật. Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về số tiền chậm trả lãi. Không chấp nhận yêu cầu bị đơn trả lại 95.908.229 đồng tiền lãi suất mà nguyên đơn cho rằng đã thu sai quy định và lãi suất cơ bản phát sinh trên số tiền bị đơn chiến dụng của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 1276/2017/KDTM-ST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 305; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng 2010; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009; Luật thi hành án dân sự 2008.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần PD trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH số tiền chậm trả lãi là 178.513.029 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền chậm trả lãi không được chấp nhận là 1.132.339.824 đồng.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ngân hàng thương mại cổ phần PD không trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng Ngân hàng thương mại cổ phần PD còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi 305.619.393 đồng và tiền lãi thu vượt mức quy định 95.908.229 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần PD phải chịu án phí là 8.925.651 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là 58.016.023 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số 06953 ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 0019695

ngày 12 tháng 6 năm 2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH còn phải nộp là 29.535.817 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 17/7/2017 (Tòa án nhận ngày 17/7/2017), Nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/7/2017 (Tòa án nhận ngày 26/7/2017) bà Liên Khiết H - Người đại diện theo ủy quyền của bà Liên Ngân A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không bổ sung chứng cứ.

Bị đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm và không bổ sung chứng cứ.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, Công ty ĐPH và NGÂN HÀNG PD xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng vì mục đích lợi nhuận. Công ty ĐPH khởi kiện NGÂN HÀNG PD để tranh chấp hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận M, TP. Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận M xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Công ty ĐPH và NGÂN HÀNG PD là tranh chấp kinh doanh thương mại về " Hợp đồng tín dụng" và thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Tại giấy ủy quyền ngày 28/7/2016 thì không ghi nhận việc bà Liên Ngân A ủy quyền cho bà Liên Khiết H kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại đơn kháng cáo ngày

25/7/2017 chỉ có bà Liên Khiết H lập và ký tên. Như vậy, căn cứ khoản 6 Điều 272 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về đơn kháng cáo thì việc bà Liên Khiết H lập và ký đơn kháng cáo nhưng không được sự ủy quyền bằng văn bản của bà Liên Ngân A là không hợp lệ nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của của bà Liên Khiết H. Số tiền bà Liên Ngân A đóng tạm ứng án phí phúc thẩm được trả lại cho bà Liên Ngân A.

[1.3] Về việc vắng mặt của người đại diên hợp pháp của bà Liên Ngân A: Tòa án đã Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Liên Khiết Huệ là người đại diện theo ủy quyền của bà Liên Ngân A để tham gia xét xử tại phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Huệ vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả lại khoản tiền lãi tính trên lãi chậm trả là 1.310.852.853 đồng mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn. Xét thấy: Căn cứ các các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng NGÂN HÀNG PD cung cấp bao gồm : Các bảng tính lãi chi tiết của 42 khế ước nhận nợ; Bảng sao kê quá trình trả nợ của 42 khế ước đã được nguyên đơn xác nhận; Bảng tính lãi do NGÂN HÀNG PD lập ngày 18/8/2015 thì có cơ sở xác định khoản tiền lãi mà NGÂN HÀNG PD tính trên khoản tiền lãi chậm trả là 178.513.029 đồng không phải là 1.310.852.853 đồng như phần trình bày của nguyên đơn. NGÂN HÀNG PD đã thu của Nguyên đơn số tiền này nên Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc NGÂN HÀNG PD phải trả cho Nguyên đơn số tiền do lãi tính trên khoản tiền lãi chậm thanh toán được xác định 178.513.029 đồng và không chấp nhận yêu cầu đối với khoản tiền 1.132.339.824 đồng là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đương sự đã thỏa thuận nên cấp phúc thẩm giữ y phần quyết định này của bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Kháng cáo của nguyên đơn và phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về số tiền lãi 1.132.339.824 đồng nêu trên là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc Công ty ĐPH yêu cầu NGÂN HÀNG PD trả 305.619.393 đồng là tiền lãi tính trên số tiền 1.310.852.853 đồng đã chiếm dụng. Xét thấy, như đã phân tích trên thì số tiền lãi do chậm trả lãi chỉ được chấp nhận là 178. 513.029 đồng. Tuy nhiên khoản lãi này cũng là xuất phát từ sự thỏa thuận của các đương sự tại các hợp đồng tín dụng. Mặt khác, do Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại khoản tiền lãi này nên không có cơ sở để cho rằng NGÂN HÀNG PD vi phạm nghĩa vụ chậm trả. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu Công ty ĐPH đòi NGÂN HÀNG PD trả tiền lãi

chậm trả 305.619.393 đồng là có cơ sở nên cấp phúc thẩm giữ y phần quyết định này bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Kháng cáo của nguyên đơn và phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về số tiền 305.619.393 đồng nêu trên là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu số tiền lãi chênh lệch do NGÂN HÀNG PD thu vượt mức quy định là 95.908.229 đồng trong giai đoạn từ 24/12/2012 đến 28/6/2013. Xét: tại thời điểm nói trên, mức lãi suất áp dụng được thỏa thuận tại phụ lục 0302.01/PL-HĐTD ngày 28/11/2012 và 0302.02/PL-HĐTD ngày 05/03/2013 thì mức lãi suất Ngân hàng áp dụng thấp hơn mức lãi suất các bên đã ký tại các phụ lục, đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng 2010 thì việc Ngân hàng thu lãi của Công ty là phù hợp với quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu Công ty ĐPH đòi NGÂN HÀNG PD trả lại khoản tiền 95.908.229 đồng là có cơ sở nên cấp phúc thẩm giữ y phần quyết định này bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Kháng cáo của nguyên đơn và phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về số tiền 95.908.229 đồng nêu trên là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lưu ý: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn là tranh chấp kinh doanh thương mại nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại ghi nhận nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là không chính xác. Trong trường hợp này phải áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 mới đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu về số tiền tổng cộng là 1.533.867.446 đồng nhưng không được chấp nhận. Bị đơn chịu án phí trên nghĩa vụ phải trả cho Nguyên đơn số tiền 178.513.029 đồng.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Ngoài ra số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Liên Ngân A đã nộp được trả lại cho bà Liên Ngân A.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH như sau:

1.1 Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần PD phải hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH số tiền lãi do chậm trả lãi là 178.513.029 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ngân hàng Thương mại cổ phần PD không trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng Ngân hàng thương mại cổ phần PD còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

1.2.Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ngân hàng thương mại cổ phần PD hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH số tiền lãi do chậm trả lãi là 1.132.339.824 đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ngân hàng thương mại cổ phần PD trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH về số tiền lãi chậm nghĩa vụ trả 305.619.393 đồng và tiền lãi thu vượt mức quy định là 95.908.229 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần PD phải chịu án phí là 8.925.651 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH phải chịu án phí là 58.016.023 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 06953 ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Biên lai số 0019695 ngày 12 tháng 6

năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH còn phải nộp số tiền là 29.535.817 đồng.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐPH phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019884 ngày 24 tháng 7 năm 2017 và Biên lai số 0019920 ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

2.3. Trả lại cho bà Liên Ngân A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019901 ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận M.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận M;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thanh Thủy